

UBND TP.ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG THCS NAM THANH

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	13	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	0.8m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	5	0.6m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1.8
8	Bình quân học sinh/lớp	413	31,7
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4002	10,44
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500	3,64
VI	Tổng diện tích các phòng		

1	Diện tích phòng học (m ²)	614,4 m ²	1,66m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	256 m ²	0,69m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	96m ²	0,23m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	46	3,54
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	0.33
1.1	Khối lớp 6	1	0.33
1.2	Khối lớp 7	1	0.25
1.3	Khối lớp 8	1	0.33
1.4	Khối lớp 9	1	0.33
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	50	0.5
4	Khu vườn rau nội trú	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	31	Số học sinh/bộ

	(Đơn vị tính: bộ)		12,1/1
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	0,81
2	Cát xét	09	0,7
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	20	1.53
5	Thiết bị khác...	30	2,3
6	Bàn ghế học sinh	300	18

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		1/1		0.1 (m ²)
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Nam Thanh, ngày 28 tháng 6 năm 2024
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Thanh Tịnh